THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN CHO HỌC SINH LỚP 8 QUA HỆ THỐNG BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

TRẦN THỊ NGỌC
Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Thái Nguyên
TÔ MINH HIẾU
SV Khoa Ngữ văn khóa 57, Trường Đại học Sư phạm,
Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 12/3/2025. Sửa chữa xong 22/3/2025. Duyệt đăng 27/3/2025.

Abstract

To meet the needs of assessing and researching the training of reading comprehension skills for argumentative texts among 8th grade students through multiple-choice exercises, this study collects data from 26 teachers and 225 students at several secondary schools in Northern Vietnam (Thai Nguyen, Hanoi, Lang Son, Bac Giang). The study evaluates the current situation of teaching and learning argumentative text comprehension through multiple-choice exercises, aiming to identify existing limitations and suggest improvements for enhancing the effectiveness of instruction.

Keywords: *Current situation, skills, reading comprehension, argumentative text, 8th grade students, multiple-choice exercises.*

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh văn bản văn học và văn bản thông tin, văn bản nghị luận là một trong ba loại văn bản được đưa vào giảng dạy trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Đây là loại văn bản xuất hiện rất nhiều trong các đề thi đánh giá năng lực hiện nay. Điều đó đã khẳng định vai trò, vị trí của văn bản nghị luận trong dạy học Ngữ văn nói chung và trong đọc hiểu văn bản nói riêng. Đặc biệt, trong kì thi đánh giá năng lực hiện nay, các trường tổ chức thi đều chọn hình thức trắc nghiệm ở các bài thi liên quan đến môn Ngữ văn. Ví dụ: phần thi Định tính của kì thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, phần thi Tư duy Đọc hiểu của kì thi đánh giá năng lực do Đại học Bách Khoa tổ chức có 100% câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến đọc hiểu và ngôn ngữ, môn Ngữ văn của kì thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội có 30% câu hỏi trắc nghiệm, môn Ngữ văn của kì thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có 20 câu hỏi trắc nghiệm phần đọc hiểu, môn Ngữ văn của kì thi độc lập xét tuyển đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 có 60% câu hỏi đọc hiểu trắc nghiệm, môn Ngữ văn của kì thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính của Đại học Thái Nguyên có 20 câu hỏi trắc nghiệm với các dạng khác nhau. Qua đó, có thể thấy việc sử dụng câu hỏi/bài tập trắc nghiệm trong dạy học Ngữ văn là cần thiết để rèn kĩ năng đọc hiểu cho học sinh (HS) từ cấp trung học cơ sở và khi lên cấp trung học phổ thông các em sẽ thành thạo kĩ năng đọc hiểu văn bản có hệ thống câu hỏi/bài tập trắc nghiệm đại học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lí luận

2.1.1. Văn nghị luận và kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận

a. Văn nghị luận

Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng quan điểm về văn nghị luận của nhóm tác giả Đỗ Ngọc Thống,

Email: ngoc@tnue.edu.vn

Phạm Minh Diệu, Nguyễn Thành Thi trong cuốn *Làm văn*: Văn nghị luận "là một trong những kiểu văn bản quan trọng trong đời sống xã hội, có vai trò rèn luyện tư duy và năng lực biểu đạt những vấn đề có ý nghĩa trong thực tế đời sống". Văn bản nghị luận (VBNL) được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Loại văn bản này không dùng hư cấu, chủ yếu dựa vào tư duy logic và thể hiện nội dung bằng những lập luận chặt chẽ, mạch lạc, giàu sức thuyết phục. Những tư tưởng, quan điểm trong VBNL thường hướng tới giải quyết các vấn đề đặt ra của cuộc sống, xã hội hoặc có thể về văn học.

VBNL có các đặc điểm sau: Luận đề: là vấn đề bao trùm cần được làm sáng tỏ trong toàn bộ văn bản. Chính vì thế, trong nhiều VBNL, luận đề được thể hiện ngay ở nhan đề của bài viết. Luận điểm (còn gọi là ý lớn): là ý kiến, quan điểm chính được nêu ra trong bài văn nghị luận. Luận điểm thường được thể hiện bằng một phán đoán mang ý nghĩa khẳng định những tính chất, thuộc tính của vấn đề, khía cạnh nội dung được triển khai làm sáng tỏ cho luận đề. Các luận điểm trong bài văn nghị luận được sắp xếp, trình bày theo hệ thống hợp lí, đầy đủ làm sáng tỏ vấn đề mà luận điểm đặt ra. Luận cứ: là các lí lẽ, dẫn chứng, làm sáng tỏ luận điểm. Luận cứ phải chân thực, tiêu biểu mới làm cho luận điểm có sức thuyết phục. Lập luận: là sự tổ chức các luận điểm và luận cứ nhằm làm sáng tỏ vấn đề, để thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của bài viết.

b. Kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi tập trung vào kĩ năng đọc hiểu VBNL cho HS lớp 8. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt về đọc hiểu VBNL cho HS lớp 8 trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 có thể xác định kĩ năng đọc hiểu VBNL như sau: Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản; Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết; Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại; Đọc hiểu các VBNL khác có độ dài tương đương với các văn bản đã học.

2.1.2. Bài tập trắc nghiệm

Bài tập trắc nghiệm là một công cụ đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS, giúp phát triển tư duy logic, khả năng đọc hiểu, phân tích thông tin và ghi nhớ dài hạn. Nó khuyến khích học tập chủ động, tự đánh giá và làm việc nhóm. Trong môn Ngữ văn, bài tập trắc nghiệm được sử dụng nhằm củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp và tư duy phản biện, đồng thời giúp HS ôn tập và chuẩn bị cho các kì thi chuẩn hóa. Bài tập trắc nghiệm có thể phân loại theo mục đích, hình thức và mức độ khó để đáp ứng mục tiêu dạy học VBNL.

- *Theo mục đích:* bài tập kiểm tra kiến thức; bài tập rèn luyện kĩ năng, bài tập vận dụng.
- *Theo hình thức:* bài tập đơn lựa chọn; bài tập đa lựa chọn; bài tập nối cột; bài tập điền từ vào chỗ trống.
- *Theo mức độ khó:* bài tập nhận biết; bài tập thông hiểu; bài tập vận dụng.

2.2. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu là câu trả lời của GV giảng dạy môn Ngữ văn ở 9 trường trung học cơ sở khu vực miền Bắc (Thái Nguyên, Hà Nội, Lạng Sơn, Bắc Giang) và dữ liệu nghiên cứu là kết quả khảo sát của HS ở 12 trường của 4 tỉnh trên. Tổng số phiếu khảo sát GV là 26 phiếu, tổng số phiếu khảo sát HS là 225 phiếu. Thời gian khảo sát từ 01/3/2025 đến 09/3/2025. Khảo sát tập trung vào các nội dung: 1) Tầm quan trọng của kĩ năng đọc hiểu VBNL; 2) Các hình thức kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL, đặc biệt là bài tập trắc nghiệm; 3) Đánh giá của GV và HS về kĩ năng đọc hiểu VBNL; 4) Những đề xuất của GV để nâng cao kĩ năng đọc hiểu VBNL cho HS; 5) Nhận xét và khó khăn của HS khi tiếp cận, phân tích VBNL.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng bảng hỏi với hệ thống câu hỏi lựa chọn một phương án (trắc nghiệm) và câu hỏi có thể chọn nhiều phương án (hộp kiểm): Xây dựng hệ thống câu hỏi khảo sát, tập trung vào thực trạng rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL qua hệ thống bài tập trắc nghiệm của GV và HS; Thu thập thông tin qua hình thức khảo sát trực tuyến bằng Google Forms; Tổng hợp và kiểm tra, rà soát số liệu; Tính tỉ lệ phần trăm và số lượng GV, HS ở mỗi câu hỏi; Phân tích, đánh giá, nhận xét.

2.3. Thực trạng rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận cho học sinh lớp 8 qua hệ thống bài tập trắc nghiệm

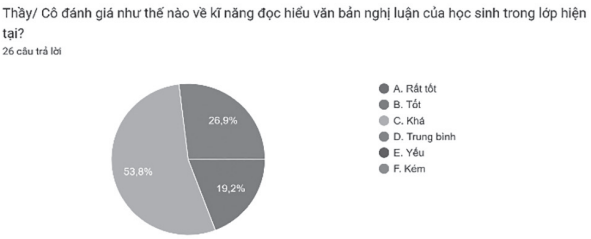
2.3.1. Kết quả khảo sát giáo viên

Chúng tôi nghiên cứu đánh giá của GV về tầm quan trọng của kĩ năng đọc hiểu VBNL trong giảng dạy, các hình thức kiểm tra kĩ năng đọc hiểu VBNL, đặc biệt qua bài tập trắc nghiệm **và** nhận xét của GV về hệ thống bài tập trắc nghiệm hiệu quả để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL cho HS. Các bảng biểu và nội dung dưới đây là câu trả lời:



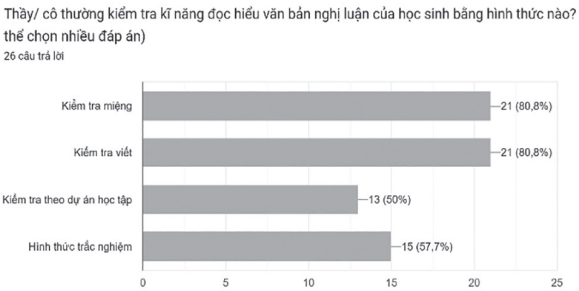
Biểu đồ 1: Đánh giá của GV về tầm quan trọng của kĩ năng đọc hiểu VBNL trong việc giảng dạy (đơn vị %).

Theo khảo sát, 100% GV đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL là quan trọng, khẳng định sự đồng thuận về vai trò của kĩ năng này trong giảng dạy Ngữ văn. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc rèn luyện tư duy phản biện, lập luận và diễn đạt logic cho HS.



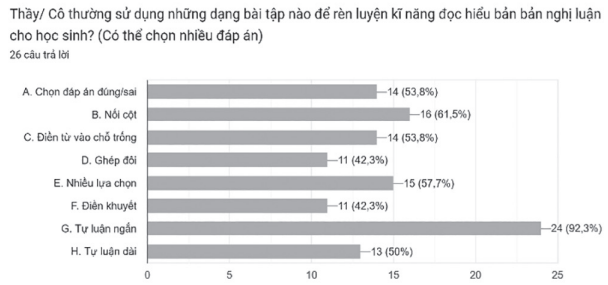
Biểu đồ 2: Đánh giá của GV về kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS (đơn vị %).

Đa số GV (53,8%) đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS lớp giảng dạy ở mức khá trong khi 19,2% GV đánh giá ở mức tốt và không có mức rất tốt, 26,9% HS ở mức trung bình, không có HS yếu hoặc kém. Kết quả cho thấy, HS đã có nền tảng kĩ năng đọc hiểu VBNL nhưng cần thành thạo hơn.



Biểu đồ 3: Các hình thức kiểm tra kĩ năng đọc hiểu VBNL được GV sử dụng trong quá trình giảng dạy (đơn vị %).

GV đã sử dụng đa dạng các hình thức kiểm tra để đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS, trong đó hình thức kiểm tra miệng và viết chiếm 80,8%, trắc nghiệm 57,7%, và kiểm tra theo dự án học tập 50%. Việc kết hợp linh hoạt các hình thức kiểm tra giúp đánh giá toàn diện hơn năng lực đọc hiểu VBNL của HS. Tuy nhiên, hình thức trắc nghiệm mới có gần 60% GV sử dụng, tỉ lệ này cần nâng cao để giúp HS đáp ứng được yêu cầu của các kì thi đánh giá năng lực ở bậc trung học phổ thông.



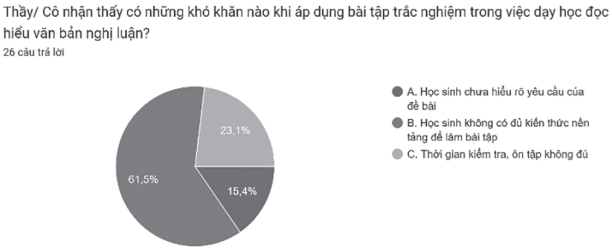
Biểu đồ 4: Những dạng bài tập được GV sử dụng trong quá trình dạy học để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL cho HS (đơn vị %).

GV sử dụng nhiều dạng bài tập để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL, với bài tập tự luận ngắn (92,3%) được áp dụng nhiều nhất. Các bài trắc nghiệm như nối cột (61,5%), nhiều lựa chọn (57,7%), chọn đúng/sai (53,8%) và điền từ (53,8%) cũng phổ biến. Bài tự luận dài (50%) ít được sử dụng hơn.



Biểu đồ 5: Nhận xét của GV về ưu điểm của dạng bài tập trắc nghiệm trong việc rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS (đơn vị %).

GV đánh giá cao câu hỏi/bài tập trắc nghiệm trong việc phát triển kĩ năng phân tích, đánh giá thông tin (73,1%) và kiểm tra khách quan kết quả học tập (73,1%). Tuy nhiên, câu hỏi/bài tập trắc nghiệm chưa hiệu quả trong việc khơi gợi hứng thú (53,8%) và giúp HS nắm vững kiến thức về các loại VBNL (53,8%). Vì vậy, GV cần sử dụng đa dạng các dạng câu hỏi/bài tập trắc nghiệm để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

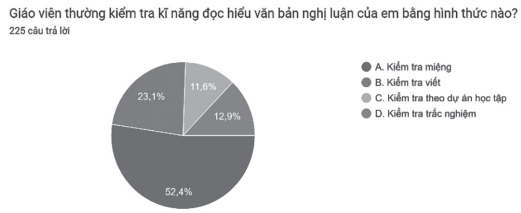


Biểu đồ 6: Những khó khăn khi áp dụng bài tập trắc nghiệm vào việc dạy học đọc hiểu VBNL (đơn vị %).

Với câu hỏi liên quan đến khó khăn của GV khi áp dụng bài tập trắc nghiệm trong dạy đọc hiểu VBNL có 61,5% GV cho rằng HS thiếu kiến thức nền tảng, 23,1% HS gặp khó khăn với thời gian kiểm tra không đủ và 15,4% cho rằng HS chưa hiểu rõ yêu cầu đề bài. Kết quả này nhấn mạnh cần cung cấp đủ kiến thức nền tảng, điều chỉnh thời gian và cải thiện kĩ năng đọc hiểu và làm bài cho HS.

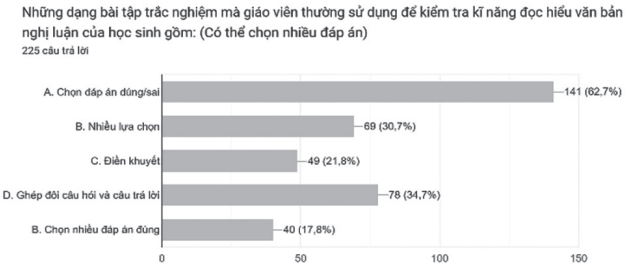
2.3.2. Kết quả khảo sát học sinh

Chúng tôi tìm hiểu về các dạng bài tập và hình thức kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL mà GV áp dụng; nhận xét của HS về các hình thức này, đặc biệt là bài tập trắc nghiệm cũng như những khó khăn và thuận lợi mà HS gặp phải khi tiếp nhận và phân tích văn bản nghị luận. Các bảng biểu và nội dung dưới đây là câu trả lời:



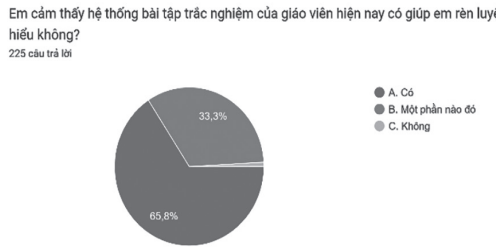
Biểu đồ 7: Các hình thức kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL mà GV áp dụng đối với học sinh trong quá trình giảng dạy (đơn vị %).

Theo HS, kiểm tra miệng (52,4%) là hình thức phổ biến nhất mà GV thường sử dụng để đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL, trong khi kiểm tra viết (23,1%) và các hình thức khác như trắc nghiệm (12,9%) và dự án học tập (11,6%) ít được áp dụng.



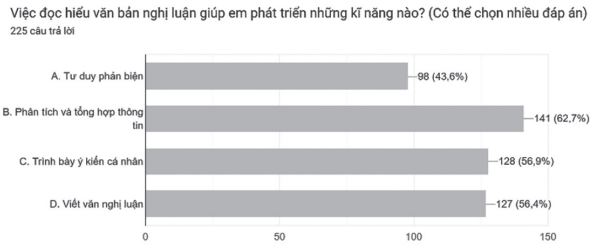
Biểu đồ 8: Những dạng bài tập trắc nghiệm mà GV thường sử dụng để kiểm tra kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS (đơn vị %).

62,7% HS lựa chọn GV sử dụng dạng bài đúng/ sai để kiểm tra kĩ năng đọc hiểu VBNL, các dạng trắc nghiệm khác như nhiều lựa chọn (30,7%) và ghép đôi (34,7%) cũng được sử dụng phổ biến. Các dạng bài điền khuyết và chọn nhiều đáp án ít được áp dụng hơn. Qua đó có thể thấy, GV chủ yếu sử dụng các dạng bài kiểm tra cơ bản để đánh giá năng lực đọc hiểu VBNL của HS.



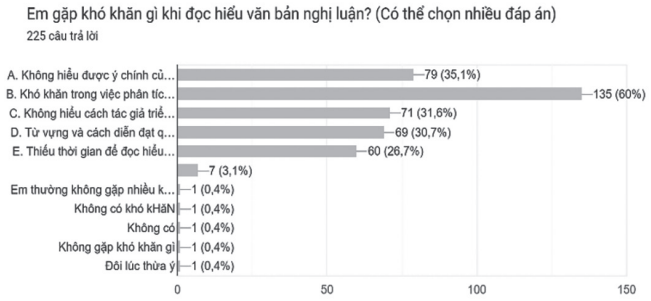
Biểu đồ 9: Đánh giá của HS về khả năng rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL thông qua hệ thống bài tập trắc nghiệm (đơn vị %)

65,8% HS cho rằng bài tập trắc nghiệm giúp rèn luyện kĩ năng đọc hiểu, 33,3% cảm thấy tác dụng chưa rõ ràng, và 0,9% cho rằng bài tập không hữu ích trong việc phát triển kĩ năng này. Phần lớn HS đã nhận thấy lợi ích từ hình thức kiểm tra trắc nghiệm trong việc phát triển kĩ năng đọc hiểu.



Biểu đồ 10: Những kĩ năng HS có thể phát triển khi đọc hiểu VBNL (đơn vị %).

Theo khảo sát, 62,7% HS phát triển kĩ năng phân tích và tổng hợp thông tin, 56,9% có khả năng trình bày ý kiến cá nhân, 56,4% có thể viết văn nghị luận, và 43,6% phát triển tư duy phản biện. Điều này cho thấy, kĩ năng đọc hiểu VBNL có thể giúp HS phát triển các kĩ năng khác như: phân tích và tổng hợp thông tin, khả năng trình bày ý kiến cá nhân, tư duy phản biện và viết luận.



Biểu đồ 11: Những khó khăn mà HS gặp phải khi đọc hiểu VBNL (đơn vị %).

Đa số HS (60%) gặp khó khăn trong việc phân tích lí lẽ và dẫn chứng, 35,1% khó khăn trong việc hiểu ý chính, 31,6% gặp khó khăn trong việc theo dõi cấu trúc văn bản, 30,7% gặp khó khăn với từ vựng phức tạp, 26,7% HS thiếu thời gian, chỉ 5,3% không gặp khó khăn nào. Có thể thấy, phần lớn HS đều đối mặt với ít nhiều thách thức khi đọc hiểu VBNL.

2.4. Đánh giá chung

Các GV đã nhận thức rõ tầm quan trọng của kĩ năng đọc hiểu VBNL nhưng vẫn gặp những khó khăn trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá. HS lớp 8 đã có nhận thức tích cực về việc rèn luyện kĩ năng đọc hiểu VBNL, nhưng vẫn gặp khó khăn trong quá trình học tập. Hình thức kiểm tra chủ yếu vẫn là kiểm tra miệng và viết, trong khi hình thức trắc nghiệm chưa phát huy được hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả dạy học, cần có thêm tài liệu tham khảo, GV sử dụng linh hoạt, đa dạng hơn các phương pháp giảng dạy và tích hợp câu hỏi/bài tập trắc nghiệm vào quá trình dạy học Ngữ văn một cách hợp lí.

2.5. Đề xuất một số biện pháp nâng cao kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận cho học sinh lớp 8 qua hệ thống bài tập trắc nghiệm

2.5.1. Sử dụng đa dạng hệ thống bài tập trắc nghiệm ở các cấp độ tư duy trong dạy học và kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận của học sinh lớp 8

GV có thể vận dụng thang phân loại Bloom để thiết kế các bài tập trắc nghiệm bao gồm ba mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng (vận dụng thấp và vận dụng cao) hoặc có thể dựa vào các cấp độ năng lực đọc của PISA 2009 bao gồm tìm kiếm, lựa chọn, diễn giải, tích hợp và đánh giá thông tin để thiết kế các bài tập trắc nghiệm tương ứng. Tuy nhiên, hiện nay, phần lớn GV dạy Ngữ văn ở Việt Nam xây dựng hệ thống bài tập gồm ba mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Với đọc hiểu văn bản nghị luận, mức độ nhận biết bao gồm nhận biết đề tài, chủ đề, vấn đề nghị luận (luận đề), luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, các thao tác lập luận,…; mức độ thông hiểu bao gồm: xác định mục đích của văn bản, phân tích mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm, phân tích các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, giải thích lí do tác giả sử dụng lí lẽ, bằng chứng...; mức độ vận dụng bao gồm: đánh giá về tính thuyết phục của văn bản, thể hiện quan điểm cá nhân khi nhận xét, đánh giá một vấn đề đặt ra trong văn bản…Khi xây dựng đề kiểm tra, đề thi đánh giá kĩ năng đọc hiểu VBNL của HS lớp 8, GV lưu ý cần xây dựng biểu điểm khác nhau cho các câu hỏi ở các cấp độ tư duy bởi độ khó của các câu hỏi là không giống nhau nhằm đảm bảo tính công bằng, khách quan và phân loại được HS một cách chính xác nhất. Tùy thuộc số lượng câu hỏi, GV xác định điểm số cụ thể cho từng câu hỏi, ví dụ: câu hỏi mức độ nhận biết 0,5 điểm, câu hỏi mức độ thông điểm 0,75 điểm và câu hỏi mức độ vận dụng 1,0 điểm.

Xem tiếp trang 66